

Số: /ĐA-UBND

Quảng Xương, ngày tháng năm 2025

ĐỀ ÁN

**Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn
thuộc UBND huyện Quảng Xương**

A. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. Sự cần thiết

Trong những năm qua, tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện cơ bản ổn định, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể, rõ ràng, chất lượng tham mưu quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, một số phòng chuyên môn thuộc UBND huyện có quy mô nhỏ, bố trí số lượng cán bộ, công chức ít, dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chưa thực sự hiệu quả.

Xuất phát từ yêu cầu triển khai thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới và sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, nhằm xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, linh hoạt, năng động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của các cơ quan chuyên môn cấp huyện, việc xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện là thật sự cần thiết.

II. Căn cứ pháp lý

1. Chỉ đạo của Trung ương Đảng và quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) "Một số vấn đề đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả";

- Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị quản lý biên chế hệ thống chính trị;

- Kết luận số 28-KH/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

- Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

- Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18, ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 18 Trung ương về việc định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Công văn số 05/CV-BCDDTKNQ18, ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 18 Trung ương về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Các văn bản pháp lý liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019.

- Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ Quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

- Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và các bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý.

- Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 695-QĐ/HU, ngày 31/10/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ.

- Công văn số 19535/UBND-THKH, ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo tỉnh về sắp xếp, tổ chức tinh gọn bộ máy.

- Công văn số 104/UBND-THKH ngày 03/11/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn, định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố.

B. THỰC TRẠNG TRƯỚC KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

I. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn

Thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các Thông tư của các bộ, ngành Trung ương; Hướng dẫn của UBND tỉnh Thanh Hóa; UBND huyện Quảng Xương đã ban hành các Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND huyện, cụ thể như sau: (1) Phòng Nội vụ tại Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 09/4/2024, (2) Phòng giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 09/4/2024, (3) Phòng lao động - thương binh và Xã hội tại Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 15/4/2024, (4) Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 15/4/2024, (5) Phòng Tư pháp tại Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 15/4/2024, (6) Phòng Văn hóa và Thông tin tại Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 22/4/2024, (7) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 22/4/2024, (8) Văn phòng HĐND-UBND huyện tại Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 22/4/2024, (9) Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 22/4/2024, (10) Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND huyện.

II. Về cơ cấu tổ chức, biên chế

1. Về tổ chức

Hiện nay UBND huyện có 11 phòng chuyên môn và tương đương gồm: (1) Văn phòng HĐND-UBND huyện, (2) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (3) Phòng Tư pháp, (4) Phòng Giáo dục và Đào tạo, (5) Thanh tra huyện, (6) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, (7) Phòng Tài nguyên và Môi trường, (8) Phòng Tài chính - Kế hoạch, (9) Phòng Nội vụ, (10) Phòng Văn hóa và Thông tin, (11) Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

2. Về biên chế công chức hành chính

Tổng số công chức hành chính được UBND tỉnh giao năm 2025: 68 người; trong đó cơ cấu công chức lãnh đạo UBND huyện: 4 người (Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch); Thường trực HĐND huyện: 03 người (01 Phó Chủ tịch HĐND và 02 phó ban chuyên trách); Công chức lãnh đạo và chuyên môn các phòng và tương đương: 60 người. Cụ thể:

2.1. Lãnh đạo UBND huyện

Theo quy định UBND huyện Quảng Xương được cơ cấu 01 Chủ tịch và 03 Phó Chủ tịch UBND huyện; hiện nay, UBND huyện chỉ còn 01 Phó Chủ tịch UBND huyện, thiếu 02 Phó Chủ tịch UBND huyện theo quy định.

2.2. Công chức hành chính các phòng chuyên môn và tương đương

UBND huyện có 11 phòng chuyên môn và tương đương, được cơ cấu 11 trưởng phòng và tương đương và 22 Phó Trưởng phòng và tương đương theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay chỉ còn 8 Trưởng phòng và tương đương (Thiếu Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Chánh Thanh tra); có 20 Phó Trưởng phòng và tương đương, thiếu 02 phó Trưởng phòng và tương đương theo quy định (Thiếu 01 Phó trưởng phòng Nội vụ và 01 Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện). Cụ thể:

a) Văn phòng HĐND – UBND huyện: Số biên chế được giao 8 người, số biên chế hiện có 7 người, trong đó cấp trưởng 01 người, cấp phó 02 người (thiếu 01 phó CVP theo quy định), công chức chuyên môn 4 người. Số lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 03 người.

b) Phòng Nông nghiệp và PTNT: Số biên chế được giao 7 người, số biên chế hiện có 7 người, trong đó cấp trưởng 01 người, cấp phó 02 người, công chức chuyên môn 4 người.

c) Phòng Tư pháp: Số biên chế được giao 02 người, số biên chế hiện có 02 người, trong đó cấp trưởng 01 người, cấp phó 01 người, công chức chuyên môn 0 người.

d) Phòng Giáo dục và Đào tạo: Số biên chế được giao 5 người, số biên chế hiện có 4 người, trong đó cấp trưởng 01 người, cấp phó 03 người, công chức chuyên môn 0 người.

đ) Thanh tra huyện: Số biên chế được giao 5 người, số biên chế hiện có 4 người, trong đó cấp trưởng chưa có (Chánh thanh tra vừa được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy), cấp phó 02 người, công chức chuyên môn 2 người.

e) Phòng Lao động – Thương binh và xã hội: Số biên chế được giao 5 người, số biên chế hiện có 5 người, trong đó cấp trưởng 01 người, cấp phó 02 người, công chức chuyên môn 2 người.

f) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Số biên chế được giao 6 người, số biên chế hiện có 5 người, trong đó cấp trưởng chưa có (Trưởng phòng mới bị xử lý kỷ luật cách chức), cấp phó 02 người, công chức chuyên môn 3 người.

g) Phòng Tài chính – Kế hoạch: Số biên chế được giao 7 người, số biên chế hiện có 7 người, trong đó cấp trưởng 01 người, cấp phó 02 người, công chức chuyên môn 4 người.

h) Phòng Nội vụ: Số biên chế được giao 5 người, số biên chế hiện có 4 người, trong đó cấp trưởng 01 người, cấp phó 01 người (Thiếu 01 phó Trưởng phòng theo quy định), công chức chuyên môn 2 người.

i) Phòng Văn hóa và Thông tin: Số biên chế được giao 4 người, số biên chế hiện có 3 người, trong đó cấp trưởng 01 người, cấp phó 01 người, công chức chuyên môn 01 người.

k) Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Số biên chế được giao 7 người, số biên chế hiện có 7 người, trong đó cấp trưởng chưa có (Trưởng phòng mới bị xử lý kỷ luật cách chức), cấp phó 02 người, công chức chuyên môn 5 người.

(Có bảng phụ lục tổng hợp 01, 02 kèm theo Đề án)

3. Về tài chính, tài sản

Hiện nay các phòng chuyên môn và tương đương được UBND huyện bố trí phòng làm việc theo số lượng công chức được giao, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị để công chức thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn theo quy định.

C. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND HUYỆN

I. Duy trì 3 phòng chuyên môn và tương đương, gồm: Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thanh tra huyện.

II. Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện

1. Hợp nhất Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Nội vụ

a) Về tên gọi của phòng sau hợp nhất là Phòng Nội vụ.

b) Chức năng, nhiệm vụ: Phòng Nội vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng Nội vụ hiện nay và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội; bình đẳng giới từ phòng Lao động – Thương binh và Xã hội hiện nay.

c) Tổ chức bộ máy: Tiếp nhận nguyên trạng tổ chức bộ máy của phòng Nội vụ; tiếp nhận công chức lãnh đạo và công chức chuyên môn phụ trách các lĩnh vực: Lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội; bình đẳng giới từ phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hiện nay.

d) Lãnh đạo phòng: Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng, là tổng số lãnh đạo của phòng Nội vụ; tiếp nhận cán bộ lãnh đạo, quản lý về Lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội; bình đẳng giới từ phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hiện nay; (chức danh Trưởng phòng sẽ có phương án riêng).

đ) Đối với nhân sự cụ thể

Vị trí lãnh đạo, quản lý: Ủy ban nhân dân huyện sẽ trình Ban Thường vụ Huyện ủy cho chủ trương bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm đối với nhân sự hiện nay của phòng Nội vụ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giữ chức vụ phù hợp theo quy định.

2. Thành lập Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

a) Chức năng, nhiệm vụ: Trên cơ sở tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kinh tế và Hạ tầng hiện nay (không bao gồm chức năng, nhiệm vụ về khoa học và công nghệ).

b) Về tổ chức bộ máy: Tiếp nhận nguyên trạng tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức của phòng Kinh tế và Hạ tầng hiện nay.

c) Lãnh đạo phòng: Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng; giữ nguyên số lượng lãnh đạo như phòng Kinh tế - Hạ tầng hiện nay.

đ) Đối với nhân sự cụ thể

Vị trí lãnh đạo, quản lý: Ủy ban nhân dân huyện sẽ trình Ban Thường vụ Huyện ủy cho chủ trương bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm đối với các nhân sự giữ chức vụ lãnh đạo tại phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phù hợp theo quy định.

3. Thành lập Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin

a) Chức năng, nhiệm vụ: Trên cơ sở tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Phòng Văn hóa và Thông tin và chức năng, nhiệm vụ về khoa học và công nghệ từ phòng Kinh tế và Hạ tầng hiện nay.

b) Về tổ chức bộ máy: Tiếp nhận nguyên trạng tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức của phòng Văn hóa và Thông tin; tiếp nhận công chức phụ trách lĩnh vực về khoa học và công nghệ từ phòng Kinh tế và Hạ tầng hiện nay (nếu có).

c) Lãnh đạo phòng: Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng; giữ nguyên số lượng lãnh đạo như phòng Văn hóa và Thông tin hiện nay.

đ) Đối với nhân sự cụ thể

Vị trí lãnh đạo, quản lý: Ủy ban nhân dân huyện sẽ trình Ban Thường vụ Huyện ủy cho chủ trương bổ nhiệm đối với nhân sự hiện nay của phòng Văn hóa và Thông tin giữ chức vụ phù hợp theo quy định.

4. Thành lập Phòng Nông nghiệp và Môi trường

a) Chức năng, nhiệm vụ: Phòng Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chức năng, nhiệm vụ của phòng Tài nguyên và Môi trường hiện nay; tiếp nhận nhiệm vụ về giảm nghèo từ phòng Lao động – Thương binh và Xã hội hiện nay.

b) Về tổ chức bộ máy: Nhập nguyên trạng tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức của phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay.

c) Lãnh đạo phòng: Trưởng phòng và các phó Trưởng phòng, là tổng số lãnh đạo của phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chức danh Trưởng phòng sẽ có phương án riêng).

đ) Đối với nhân sự cụ thể

Vị trí lãnh đạo, quản lý: Ủy ban nhân dân huyện sẽ trình Ban Thường vụ Huyện ủy cho chủ trương bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm đối với nhân sự hiện nay của Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc từ đơn vị khác giữ chức vụ phù hợp theo quy định.

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo hiện nay và tiếp nhận bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp từ phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hiện nay (*bao gồm cả cán bộ, lãnh đạo, quản lý nếu có*).

b) Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao.

6. Văn phòng HĐND-UBND huyện

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng HĐND-UBND huyện hiện nay và tiếp nhận bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội từ phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hiện nay.

b) Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Như vậy, sau sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn và tương đương, UBND huyện Quảng Xương còn 9 phòng và tương đương, giảm 02 phòng chuyên môn so với hiện nay.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Thời gian thực hiện: Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn và tương đương xong trong tháng 2 năm 2025.

II. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Phòng Nội vụ

1.1. Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, công chức lãnh đạo và công chức chuyên môn phụ trách các lĩnh vực: Lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội; bình đẳng giới từ phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hiện nay.

1.2. Tham mưu cho UBND huyện hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục về hợp nhất, thành lập các phòng chuyên môn và tương đương, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy, trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định.

1.3. Tham mưu cho UBND huyện các văn bản xin chủ trương và quy trình nhân sự của các phòng sau khi hợp nhất, thành lập.

1.4. Tham mưu cho UBND huyện điều động biên chế công chức hiện có của các phòng thuộc diện hợp nhất, thành lập về đơn vị mới phù hợp với trình độ chuyên môn, vị trí việc làm theo quy định.

1.5. Thẩm định trình UBND huyện Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn và tương đương sau khi hợp nhất, thành lập theo hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

2.1. Bàn giao chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội; bình đẳng giới cho phòng Nội vụ.

2.2. Bàn giao chức năng, nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp cho phòng Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Bàn giao chức năng, nhiệm vụ bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội cho Văn phòng HĐND-UBND huyện.

2.4. Bàn giao chức năng, nhiệm vụ về giảm nghèo cho phòng Nông nghiệp và Môi trường.

2.5. Chuẩn bị danh sách, hồ sơ, tài liệu, tài chính, tài sản, chương trình dự án, cơ sở vật chất....của đơn vị để bàn giao; phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết dứt điểm các công việc có liên quan trước khi hợp nhất; đồng thời nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3.1. Có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường.

3.2. Chuẩn bị danh sách, hồ sơ, tài liệu, tài chính, tài sản, chương trình, dự án, cơ sở vật chất....của đơn vị để bàn giao; phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết dứt điểm các công việc có liên quan trước khi thành lập; đồng thời nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường

4.1. Có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường.

4.2. Chuẩn bị danh sách, hồ sơ, tài liệu, tài chính, tài sản, chương trình, dự án, cơ sở vật chất....của đơn vị để bàn giao; phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết dứt điểm các công việc có liên quan trước khi thành lập; đồng thời nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Có trách nhiệm bàn giao chức năng, nhiệm vụ về khoa học và công nghệ cho phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin theo quy định; đồng thời nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin

Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về khoa học và công nghệ từ phòng Kinh tế và Hạ tầng hiện nay để thành lập phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; đồng thời nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp từ phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hiện nay.

8. Văn phòng HĐND-UBND huyện

8.1. Tiếp nhận chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội từ phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hiện nay.

8.2. Hướng dẫn các Phòng chuyên môn thuộc diện hợp nhất, thành lập về công tác bàn giao tài sản, trang thiết bị và tham mưu cho UBND huyện sắp xếp phòng làm việc cho các phòng chuyên môn đảm bảo khoa học, phù hợp với số lượng người làm việc.

9. Phòng Tài chính - Kế hoạch

9.1. Tham mưu cho UBND huyện điều chuyển, bổ sung nguồn kinh phí hoạt động, chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) của các phòng thuộc diện hợp nhất, thành lập về các phòng mới sau khi hợp nhất, thành lập.

9.2. Tham mưu cho UBND huyện điều chuyển tài sản của các phòng thuộc diện hợp nhất, thành lập về các phòng mới sau khi hợp nhất, thành lập để quản lý, sử dụng theo quy định.

9.3. Hướng dẫn các phòng thuộc diện hợp nhất, thành lập thanh quyết toán tài chính, kinh phí đúng theo quy định hiện hành.

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Ban Thường vụ Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Ban Tổ chức Huyện ủy;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các Ủy viên UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Huy Nam

Phụ lục 01

**THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH
CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THUỘC UBND
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**

(Kèm theo Đề án số /ĐA -UBND ngày tháng năm 2025 của UBND huyện)

TT	Tên tổ chức	Biên chế		Cơ cấu công chức		
		Biên chế UBND tỉnh giao năm 2024	Biên chế có mặt đến 31/12/2024	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức không giữ chức vụ
1	Thường trực UBND	4	2	1	1	
2	Thường trực HĐND	3	3		3	
Tổng cộng		7	5	1	4	
Các phòng chuyên môn và tương đương		62	55	08	20	27
1	Nội vụ	5	4	1	1	2
2	Tư pháp	2	2	1	1	0
3	Tài chính - Kế hoạch	7	7	1	2	4
4	Tài nguyên và Môi trường	6	5	0	2	3
5	Lao động – TB&XH	5	5	1	2	2
6	Văn hóa và thông tin	4	3	1	1	1
7	Giáo dục và Đào tạo	5	4	1	3	0
8	Kinh tế và Hạ tầng	7	7	0	2	5
9	Nông nghiệp và PTNT	7	7	1	2	4
10	Thanh tra huyện	6	4	0	2	2
11	Văn phòng HĐND-UBND	8	7	1	2	4
	Tổng cộng biên chế	69	60			

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THUỘC UBND HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

I. CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính		Chức vụ	Trình độ			Ngày tuyển dụng	Ngạch lương	Bậc lương	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ	Số sổ BHXH
			Nam	Nữ		Chuyên môn	LLCT	QQNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nguyễn Huy Nam	03/12/1968	x		Chủ tịch UBND huyện	Cử nhân quản lý ngân sách, Đại học Tài chính, cử nhân luật, Thạc sỹ chính trị học	Cao cấp	CVC	12/1985	01.002	8	6.78	0,7	2797070422
2	Nguyễn Huy Nam	01/11/1969	x		Phó Chủ tịch UBND huyện	Đại học Sư phạm toán, Thạc sỹ toán	Cao cấp	CV	05/9/1991	01.003	9	4.98	0.6	2796033096
3	Nguyễn Thị Sơn	27/10/1973		x	Phó Chủ tịch HĐND huyện	Đại học Ngữ văn, Thạc sỹ Ngữ văn	Cao cấp	CVC	01/9/1994	01.002	8	5.76	0.6	
4	Nguyễn Bá Tài	10/9/1972	x		Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện	Cử nhân Kinh tế	Cao cấp	CV	08/3/1995	01.003	9	4,98	0.30	2796004087
5	Đỗ Trí Hòa	31/7/1983	x		Trưởng phòng Nội vụ	Đại học Nông nghiệp; Cử nhân Luật; Thạc sỹ Nông nghiệp.	Cao cấp	CVC	28/12/2008	01.002	2	4,74	0.30	3810018878
6	Lê Đại Hiệp	05/11/1977	x		Trưởng phòng NN&PTNT	Đại học, ngành Nông học; Thạc sỹ Khoa học cây trồng	Cao cấp	CVC	01/3/2005	01.002	2	4.740	0.30	2706011869
7	Nguyễn Thị Thu	28/10/1973		x	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	Đại học Ngữ văn, Thạc sỹ Văn học Việt Nam	Cao cấp	CV	12/12/1994	01.003	9	4,980	0.30	2796040472
9	Trịnh Thị Nguyên	13/8/1975		x	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Đại học Kế toán, Thạc sỹ kinh tế nông nghiệp	Cao cấp	CV	11/3/2003	01.003	8	4,650	0.30	2796004088
9	Nguyễn Thị Loan	28/8/1975		x	Trưởng phòng LĐ-TB&XH	ĐH giáo dục TH, Thạc sỹ Khoa học GD	Cao cấp	CV	01/9/1997	01.003	9	4,980	0,3	2798085798
10	Bùi Sỹ Hào	27/3/1977	x		Trưởng phòng	Đại học Kế toán,	Cao cấp	CV	15/5/2006	01.003	7	4,320	0.30	6602461320

					Văn hóa và thông tin	Thạc sỹ Kinh tế								
11	Nguyễn Thị Huyền	13/7/1981		x	Trưởng phòng Tư pháp	Cử nhân Luật, Thạc sỹ Luật	Cao cấp	CVC	29/11/2004	01.002	2	4,740	0.30	2705007829
12	Lê Thị Hà Thanh	09/7/1987		x	Phó Trưởng ban Kinh tế HĐND huyện	ĐH Tài chính ngân hàng, Thạc sỹ Kinh tế	Trung cấp	CV	20/7/2012	01.003	6	3.99	0.2	3812012100
13	Nguyễn Thanh Sơn	20/12/1985	x		Phó trưởng ban pháp chế HĐND huyện	Đại học quản trị kinh doanh	Trung cấp	CV	20/7/2012	01.003	4	3.33	0.2	3812029407
14	Vũ Thị Ánh Nguyệt	01/9/1978		x	Phó Trưởng phòng NN&PTNT	Kỹ sư: nuôi trồng thủy sản	Trung cấp	CV	01/3/2005	01.003	7	4.320	0.20	2706011873
15	Trần Văn Chung	05/12/1980	x		Phó Trưởng phòng NN&PTNT	Cử nhân chăn nuôi thú y	Trung cấp	CV	27/11/2008	01.003	6	3.990	0.20	3810018877
16	Cù Bá khánh	15/12/1978	x		Chuyên viên phòng NN&PTNT	Đại học Chăn nuôi thú Y	Trung cấp	CV	01/10/2006	01.003	7	4.320		2707013393
17	Lê Thị Ngọc Mai	10/12/1992		x	Chuyên viên phòng NN&PTNT	Cử nhân Kinh tế	Trung cấp	CV	01/12/2014	01.003	4	3.330		3815002025
18	Nguyễn Văn Hải	13/3/1981	x		Chuyên viên phòng NN&PTNT	Kỹ sư trồng trọt, Thạc sỹ Khoa học cây trồng	Trung cấp	CV	01/3/2006	01.003	7	4,320		2705004168
19	Hồ Trọng Thanh	09/12/1974	x		Chuyên viên phòng NN&PTNT	Kỹ sư thủy lợi		CV	22/02/2005	01.003	7	4,320		2706011868
20	Nguyễn Thị Hà	05/9/1978		x	Phó Trưởng phòng Tư pháp	Cử nhân Luật	Trung cấp	CV	22/02/2005	01.003	8	4,650	0.20	2703003283
21	Hồ Thị Hoa	08/8/1985		x	Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện	Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh	T/cấp	CV	20/7/2012	01.003	5	3,660	0.20	3009035807
22	Trần Văn Ngọc	02/4/1980	x		Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện	Đại học giáo dục TH, Thạc sỹ Khoa học GD	Trung cấp	CV	23/12/2002	01.003	8	4,650	0.20	2703008865
23	Lê Mạnh Hồng	25/9/1981	x		Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND huyện	Cử nhân Kinh tế	Trung cấp	CV	14/11/2005	01.003	6	3,990		2706008215
24	Phạm Thị Lý	29/10/1985		x	Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND huyện	Đại học công tác xã hội và phát triển cộng đồng	Trung cấp	CV	18/5/2009	01.003	5	3,660		3810018874
25	Phạm Ngọc Thủy	23/11/1980		x	Chuyên viên Văn	Cử nhân Luật	Trung	CV	09/5/2006	01.003	7	4,320		2706012103

					phòng HĐND-UBND huyện		cấp							
26	Lê Xuân Thanh	10/12/1967	x		Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND huyện	Cử nhân hành chính	Cao cấp	CVC	02/1986	01.002	6	6,100		2796000278
27	Nguyễn Thị Quế	03/10/1970		x	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	Đại học Giáo dục Tiểu học	Cao cấp	CV	12/12/1994	01.003	9	4,980	0.20	2796017540
28	Mai Thị Hương	18/6/1971		x	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	Đại học toán, Thạc sỹ Khoa học Giáo dục	Cao cấp	CV	12/12/1994	01.003	9	4,980	0.20	2797045071
29	Viên Đình Huy	23/7/1980	x		Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	Đại học Giáo dục Tiểu học, Thạc sỹ Khoa học Giáo dục	Trung cấp	CV	23/12/2002	01.003	8	4,650	0.20	2703008864
30	Phạm Văn Hà	27/01/1979	x		Phó chánh thanh tra huyện	Đại học Tài chính ngân hàng, Thạc sỹ QLKT	Cao cấp	CVC	09/5/2006	04.024	2	4,740	0.20	2706011876
31	Nguyễn Trọng Trung	03/10/1984	x		Phó chánh thanh tra huyện	Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ Kỹ thuật xây dựng Công trình dân dụng và công nghiệp	Cao cấp	CV	01/6/2008	04.025	6	3,990	0.20	3808016705
32	Nguyễn Ngọc Thức	16/5/1982	x		Thanh tra viên	Đại học Quản lý kinh doanh/Tài chính Kế toán	Trung cấp	Thanh tra viên	18/5/2009	04.024	6	3,990		3810018873
33	Nguyễn Đình Diễn	28/3/1991	x		Chuyên viên Thanh tra	Cử nhân Kế toán	Trung cấp	CV	07/11/2014	01.003	3	3,000		3814001247
34	Chu Đức Khương	06/7/1979	x		Chuyên viên phòng TN&MT	Đại học địa chính, Thạc sỹ QLKT	Cao cấp	CV	09/5/2006	01.003	7	4,320		2707013393
35	Phạm Văn Nam	10/10/1986	x		Phó Trưởng phòng TN&MT	Đại học quản lý đất đai, Thạc sỹ QLKT	Trung cấp	CV	20/7/2012	01.003	5	3,660	0.20	3812029406
36	Lê Thị Kim Chi	29/3/1987		x	Phó Trưởng phòng TN&MT	Đại học quản lý đất đai, Thạc sỹ quản lý đất đai	Trung cấp	CV	20/7/2012	01.003	4	3,330	0.20	3812029405
37	Mai Văn Tuấn	19/8/1965	x		Chuyên viên phòng TN&MT	Đại học, ngành trồng trọt		CV	30/12/1988	01.003	9	4,980		2798078086
38	Tô Hoài Nghĩa	02/4/1972	x		Chuyên viên phòng TN&MT	Đại học quản lý đất đai		CV	11/3/2003	01.003	7	4,320		2798085125
39	Thiều Thị Thu Trang	22/4/1984		x	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Đại học: Tài chính, ngân hàng, Thạc sỹ QTKD	Trung cấp	CV	18/5/2009	01.003	6	3,990	0.20	0109038791
40	Nguyễn Thị Hoài	30/5/1982		x	Phó Trưởng phòng Tài chính -	Đại học Kế toán	Trung cấp	CV	18/5/2009	01.003	6	3,990	0.20	3808004825

					Kế hoạch									
41	Lê Thị Giang	06/10/1991		x	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	Cử nhân Kế toán	Trung cấp	CV	07/3/2017	01.003	3	3,000		3816069590
42	Nguyễn Thị Yến	10/5/1989		x	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	Cử nhân Kế toán	Trung cấp	CV	21/10/2015	01.003	3	3,000		3312020712
43	Lê Duy Đông	31/10/1984	x		Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	Đại học Kế toán, Thạc sỹ QLKT	Trung cấp	CV	13/01/2014	01.003	4	3,330		3813015264
44	Lê Văn Nhất	10/10/1984	x		Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	Kỹ sư, ngành Kỹ thuật Hạ tầng và Phát triển nông thôn	Trung cấp	CV	01/8/2014	01.003	4	3,330		3812018052
45	Nguyễn Thị Lệ	01/01/1981		x	Phó Trưởng phòng Nội vụ	Kỹ sư nuôi trồng thủy sản, Thạc sỹ QT Kinh doanh	Trung cấp	CV	09/5/2006	01.003	7	4,320	0.20	2706011877
46	Nguyễn Thị Hiền	19/5/1979		x	Chuyên viên phòng Nội vụ	Cử nhân kinh tế	Trung cấp	CV	20/7/2012	01.003	5	3,660		0204207998
47	Bùi Ngọc Đào	10/5/1960	x		Chuyên viên phòng Nội vụ	Đại học hành chính	Trung cấp	CV	27/7/1984 đi bộ đội chuyển ngành về UBND huyện Quảng Xương tiếp nhận 18/8/1987	01.003	9	4,98		2796004070
48	Bùi Xuân Tiến	10/10/1980	x		Phó Trưởng phòng VH & TT	Đại học Sư phạm Toán	Cao cấp	CV	01/10/2001	01.003	8	4,650	0.20	2703003306
49	Phạm Hùng Dương	10/3/1979	x		Chuyên viên phòng Văn hóa và thông tin	Đại học Công nghệ Thông tin		CV	22/12/2003	01.003	7	4,320		2706011874
50	Lê Đình Khoa	23/01/1974	x		Chuyên viên phòng kinh tế và Hạ tầng	Đại học xây dựng cầu đường, Thạc sỹ xây dựng công trình giao thông	Cao cấp	CVC	12/8/1999	01.002	2	4,740		2701000634
51	Vương Hồng Lương	12/12/1971	x		Phó Trưởng phòng kinh tế và Hạ tầng	Đại học Điện nông nghiệp, Thạc sỹ QLKT	Cử nhân	CVC	01/5/1996	01.002	7	6,440	0.20	2797061877
52	Lê Huy Hùng	16/02/1989	x		Phó Trưởng phòng kinh tế và Hạ tầng	Kỹ sư kỹ thuật công trình	Trung cấp	CV	07/3/2017	01.003	3	3,000	0.20	3813020912
53	Đỗ Thành Quý	16/7/1983	x		Chuyên viên phòng kinh tế và Hạ tầng	Đại học xây dựng cảng đường thủy	Trung cấp	CV	20/7/2012	01.003	4	3,330		0111131347
54	Nguyễn Việt Vượng	02/11/1987	x		Chuyên viên phòng kinh tế và	Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ Quản trị	Trung cấp	CV	20/7/2012	01.003	4	3,330		3812029410

					Hạ tầng	Kinh doanh								
55	Lê Thị Hương	24/02/1990		x	Chuyên viên phòng kinh tế và Hạ tầng	Cử nhân Kinh tế đối ngoại	Trung cấp	CV	01/12/2014	01.003	4	3,330		3815002026
56	Lê Thị Lan Anh	12/9/1990		x	Chuyên viên phòng kinh tế và Hạ tầng	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	Trung cấp	CV	01/12/2014	01.003	3	3,000		3815002027
57	Lê Bá Tường	31/8/1984	x		Phó Trưởng phòng LĐ- TB&XH	ĐH nuôi trồng thủy sản, Thạc sỹ QTKD	Trung cấp	CV	01/6/2008	01.003	6	3.990	0,2	3808016706
58	Nguyễn Đắc Huân	30/10/1987	x		Phó Trưởng phòng LĐ- TB&XH	Cử nhân Xã hội học	Trung cấp	CV	01/7/2012	01.003	5	3.660	0,2	3812012098
59	Lê Thị Tú	05/8/1982		x	Chuyên viên phòng LĐ- TB&XH	Cử nhân Kinh tế	Trung cấp	CV	01/7/2012	01.003	5	3.66		2707013484
60	Phạm Thị Thanh	01/5/1983		x	Chuyên viên phòng LĐ- TB&XH	Cử nhân Quản lý Xã hội	Trung cấp	CV	01/7/2012	01.003	5	3.66		3812012099

II. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính		Chức vụ	Trình độ			Ngày thực hiện hợp đồng	Ngạch lương	Bậc lương	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ	Số sổ BHXH
			Nam	Nữ		Chuyên môn	LLCT	QQNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Trần Văn Dũng	20/10/1972	x		Nhân viên	Lái xe			15/01/2007	Hưởng lương bằng tiền theo thỏa thuận				2707013394
2	Nguyễn Xuân Thìn	02/3/1976	x		Nhân viên	Lái xe			01/4/2012	Hưởng lương bằng tiền theo thỏa thuận				3812011977
3	Lưu Ngọc Đạt	01/3/1984	x		Nhân viên	Nhân viên kỹ thuật			31/12/2021	Hưởng lương bằng tiền theo thỏa thuận				